

TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

- 1- [Hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu suất sử dụng VCKĐ- VLĐ của DN](#)
- 2- [Dự báo nhu cầu VKĐ của DN](#)
- 3- [Cách chỉ số đặc trưng](#)
- 4- [Phân tích Phương trình DUPONT](#)
- 5- [Phân tích nguồn tài trợ](#)
- 6- [Đòn bẩy tài chính và cấu trúc vốn của DN](#)
- 7- [Phân tích Dự án Đầu tư](#)
- 8- [Thuê Tài chính, Cổ phiếu, Trái phiếu](#)
- 9- [Chi phí Sử dụng vốn \(Cost of Capital\)](#)

A- HỆ THỐNG CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ HIỆU SUẤT SỬ DỤNG VCKĐ – VLĐ CỦA DN:

1- HIỆU SUẤT SỬ DỤNG VLĐ:

1.1- Tốc độ luân chuyển VLĐ:

$$L = \frac{M}{VLD_{bq}}$$

M: Tổng mức L/c VLĐ trong kỳ (DT thuần)

L: Số lần luân chuyển (vòng quay)

1.2- Kỳ luân chuyển VLĐ (K):

$$K = \frac{N}{L} = \frac{N \times VLD_{bq}}{M}$$

N: Số ngày (360, 90, 30)

1.3- Mức tiết kiệm VLĐ

$$V_{tk} = \frac{M_1}{N} (K_1 - K_0) = \frac{M_1}{L_1} - \frac{M_1}{L_0} = VLD_1 - \frac{M_1}{L_0}$$

2- HIỆU SUẤT SỬ DỤNG VCKĐ:

2.1- Hiệu suất sử dụng VCKĐ

$$HSSDVCKĐ = \frac{DT_{thuần}}{VLD_{bq}}$$

VCKĐ bq = (VCKĐ đk + VCKĐ ck) / 2

2.1- Hiệu suất sử dụng TSCĐ:

$$\frac{HSSD}{TSCĐ} = \frac{DT_{thuần}}{NG_{TSCĐ_{bq}}}$$

2.2- Tỷ suất lợi nhuận VCKĐ:

$$\frac{TSLN_{VCKĐ}}{VCKĐ_{bq}} = \frac{LN_{TT} / LN_{ST}}{VCKĐ_{bq}}$$

2.3- Hệ số hao mòn TSCĐ:

$$\frac{HS_{hao\ mòn\ TSCĐ}}{NG_{TSCĐ}} = \frac{KHLK\ của\ TSCĐ}{NG_{TSCĐ}}$$

2.4- Hệ số huy động TSCĐ:

$$\frac{HS_{huy\ động\ TSCĐ}}{GT_{TSCĐ\ hiện\ có}} = \frac{GT_{TSCĐ\ đang\ dùng\ KD}}{GT_{TSCĐ\ hiện\ có}}$$

- 2.5- Các chỉ tiêu về kết cấu TSCĐ: Đánh giá mức độ hợp lý trong cơ cấu TSCĐ được trang bị ở DN

3- HIỆU SUẤT SỬ DỤNG VKĐ CỦA DNP:

3.1- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế và lãi vay:

$$\frac{TS_{LN_{VKĐ\ trước\ thuế\ \&\ Lãi\ vay}}}{VCKĐ_{bq\ sd\ trong\ kỳ}} = \frac{LN_{TT} + Lãi\ vay}{VCKĐ_{bq\ sd\ trong\ kỳ}}$$

3.2- Tỷ suất lợi nhuận VKĐ:

$$\frac{TS_{LN_{VKĐ}}}{VCKĐ_{bq\ sd\ trong\ kỳ}} = \frac{LN_{TT}}{VCKĐ_{bq\ sd\ trong\ kỳ}}$$

3.3- Tỷ suất lợi nhuận ròng VKĐ:

$$\frac{TS_{LNR_{VKĐ}}}{VCKĐ_{bq\ sd\ trong\ kỳ}} = \frac{LN_{ST}}{VCKĐ_{bq\ sd\ trong\ kỳ}}$$

3.4- Tỷ suất lợi nhuận ròng VCSH:

$$\frac{TS_{LNR_{VCSH}}}{VCSH_{bq\ sd\ trong\ kỳ}} = \frac{LN_{ST}}{VCSH_{bq\ sd\ trong\ kỳ}}$$

B- DỰ BÁO NHU CẦU VKĐ CỦA DN:

1- PHƯƠNG PHÁP TỶ LỆ % TRÊN DT:

Biết:

- Doanh thu kỳ báo cáo – Kế hoạch
- Tỷ lệ trả lãi cổ phần
- Doanh lợi doanh thu (ROS): g%
- Thuế suất Thuế TNDN: T%

Tỷ lệ % giữa các khoản mục có quan hệ trực tiếp và chặt chẽ đến doanh thu.

Tài sản	%	Nguồn vốn	%
- Tiền		- Phải trả nhà cung cấp	
- Phải thu		- Phải nộp ngân sách	
- Vật tư hàng hóa		- Phải trả CNV	
- TSLĐ khác			
	A%		B%

→ Nhu cầu vốn bổ sung kỳ KH: $\Delta S = S \times (A\% - B\%) = C$

→ Nếu DL DT (ROS) không thay đổi (g%)

$$LN_{TT} = DT \times 1 \times g\%$$

$$LN_{ST} = LN_{TT} \times (1 - T\%)$$

$$LNCL\ sau\ khi\ chia\ lãi\ CP = D$$

→ Nhu cầu VLĐ kỳ B/c cần tăng = $C - D$

2- PHƯƠNG PHÁP DỰ BÁO BẰNG CHỈ TIÊU ĐẶC TRƯNG:

Doanh thu = A	
Vòng quay tổng vốn = $a = \frac{DT}{Vốn\ SX}$	→ $Vốn\ SX = \frac{DT}{a}$
Hệ số nợ = $b\% = \frac{NPT}{Tổng\ vốn}$	→ $NPT = b \times tổng\ vốn$ (vốn SX)
Nợ NH chiếm % của NPT	→ $Nợ\ NH = c\% \times tổng\ NPT$

	→ Nợ DH = NPT – Nợ NH
	→ VCSH = Tổng NV – NPT
HS TT hiện thời = d =	→ TSLĐ = Nợ NH x d
TSLĐ/ Nợ NH	
HS TT nhanh = e =	→ Tiền = e x Nợ NH
Tiền/ Nợ NH	
Kỳ thu tiền trung bình = f =	→ Phải thu = (Dthu x f)/360
(Phải thu x 360)/ Doanh thu	
TSLĐ = Vốn bằng tiền + Vốn VTHH + Phải thu	Vốn VTHH = TSLĐ – VBT – Phải thu

C- CÁC CHỈ SỐ ĐẶC TRƯNG:

1- HỆ SỐ THANH TOÁN:

1.1- Vốn luân chuyển*:

$$\text{Vốn luân chuyển} = \frac{\text{TSLĐ \& ĐTNH} - \text{Nợ Ngắn hạn}}{\text{ĐTNH}}$$

1.2- Hệ số thanh toán tổng quát:

$$\text{HS TT tổng quát} = \frac{\text{Tổng TS hiện có}}{\text{Tổng nợ}}$$

1.3- Hệ số thanh toán tạm thời (Hiện thời):

$$\text{HS TT tạm thời} = \frac{\text{Tổng TSLĐ + ĐTNH}}{\text{Tổng Nợ ngắn hạn}}$$

1.4- Hệ số thanh toán nhanh:

$$\text{HS TT nhanh} = \frac{\text{Tổng TSLĐ - VTHHTK}}{\text{Tổng Nợ ngắn hạn}}$$

1.5- Hệ số thanh toán lãi vay:

$$\text{HS TT lãi vay} = \frac{\text{Lãi vay PT + LN TT}}{\text{Lãi vay PT}}$$

1.6- Hệ số thanh toán nợ dài hạn:

$$\text{HS TT nợ dài hạn} = \frac{\text{TSCĐ (GTCL) \& ĐTDH}}{\text{Tổng Nợ dài hạn}}$$

2- HỆ SỐ HOẠT ĐỘNG:

2.1- Vòng quay tổng vốn:

$$\text{Vòng quay tổng vốn} = \frac{\text{DT thuần}}{\text{Tổng vốn bq}}$$

2.2- Hiệu suất sử dụng VỐN:

$$\text{Hiệu suất sử dụng VỐN} = \frac{\text{DT thuần}}{\text{VỐN bq}}$$

2.3- Vòng quay VLĐ:

$$\text{Vòng quay VLĐ} = \frac{\text{DT thuần}}{\text{VLĐ bq}}$$

2.4- Vòng quay vốn VTHH:

$$\text{Vòng quay vốn VTHH} = \frac{\text{DT thuần}}{\text{Vốn VTHH bq}}$$

2.5- Kỳ thu tiền bình quân:

$$\text{Kỳ thu tiền bình quân} = \frac{\text{(Các khoản PT bq x 360)}}{\text{DT thuần}}$$

2.6- Kỳ luân chuyển VLĐ:

$$\text{Kỳ luân chuyển VLĐ} = \frac{\text{Số ngày trong kỳ}}{\text{Vòng quay VLĐ}}$$

3- CÁC HỆ SỐ PHẢN ẢNH CƠ CẤU VỐN & TÀI SẢN:

3.1- Hệ số nợ:

$$\text{Hệ số nợ} = \frac{\text{Tổng Nợ}}{\text{Tổng TS}} = \frac{1}{\text{HS TT tổng quát}}$$

3.2- Hệ số VCSH:

$$\text{Hệ số VCSH} = \frac{\text{NVCSH}}{\text{Tổng NV}} = (1 - \text{Hệ số Nợ})$$

3.3- Hệ số đầu tư:

$$\text{Hệ số đầu tư} = \frac{\text{TSCĐ (GTCL) + ĐTDH}}{\text{tổng TS}}$$

3.4- Hệ số tự tài trợ:

$$\text{HS tự tài trợ} = \frac{\text{VCSH}}{\text{TSCĐ (GTCL) + ĐTDH}}$$

4- HỆ SỐ DOANH LỢI:

4.1- Doanh lợi DT (ROS):

$$\text{ROS} = \frac{\text{LN ST}}{\text{DT thuần}}$$

4.2- Doanh lợi tổng vốn (ROI):

$$\text{ROI} = \frac{\text{LN ST}}{\text{tổng Vốn bq}}$$

$$\text{ROI} = \frac{\text{DL DT (ROS)}}{\text{(ROS)}} \times \text{Vòng quay tổng vốn}$$

$$\text{ROI} = \frac{\text{LN ST}}{\text{DT th}} \times \frac{\text{DT th}}{\text{tổng vốn bq}}$$

4.3- Doanh lợi VCSH (ROE):

$$\text{ROE} = \frac{\text{LN ST}}{\text{VCSH bq}}$$

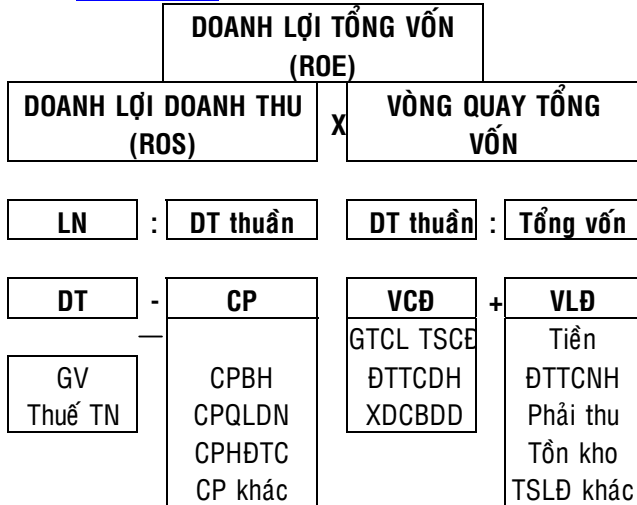
$$\text{ROE} = \text{ROI} \times \frac{1}{1 - \text{HS Nợ}}$$

$$\text{ROE} = \frac{\text{DL DT (ROS)}}{\text{(ROS)}} \times \frac{\text{Vòng quay tổng vốn}}{\text{tổng vốn}} \times \frac{1}{1 - \text{HS Nợ}}$$

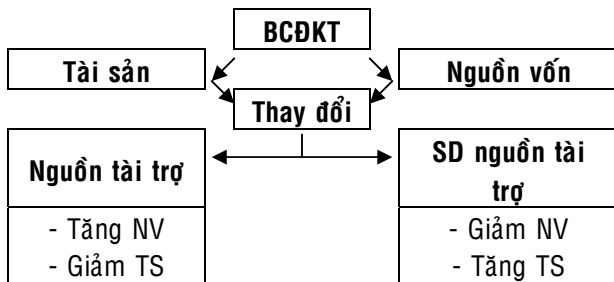
$$\text{ROE} = \frac{\text{LN ST}}{\text{DT th}} \times \frac{\text{DT th}}{\text{tổng vốn bq}} \times \frac{\text{Tổng vốn bq}}{\text{VCSH}}$$

$$\text{ROE} = \frac{\text{LN ST}}{\text{DT th}} \times \frac{\text{DT th}}{\text{VLĐ bq}} \times \frac{1}{1 - \text{HS Nợ}}$$

D- PHÂN TÍCH PHƯƠNG TRÌNH DUPONT:



E- PHÂN TÍCH NGUỒN TÀI TRỢ:



F- ĐÒN BẨY TÀI CHÍNH & CẤU TRÚC VỐN CỦA DN:

1- ĐÒN CÂN ĐỊNH PHÍ VÀ PHÂN TÍCH HÒA VỐN:

1.1- Định phí (Chi phí Cố định):

- Lương cán bộ quản lý, chuyên gia
- Khấu hao
- Thuê tài chính dài hạn
- Chi phí bảo hiểm
- Chi phí thuê kho
- Chi phí bảo trì nhà xưởng thiết bị ...

1.2- Biến phí (Chi phí biến đổi):

- Tiền lương công nhận trực tiếp SX
- Chi phí nguyên vật liệu cho SX
- Hoa hồng bán hàng
- Chi phí nhiên liệu

- Một số CP khác biến đổi với đầu ra

1.3- Phân tích hòa vốn:

□ Điểm hòa vốn:

$$\begin{aligned} \text{EBIT} &= \text{DS bán} - \text{Tổng CP} \\ \text{Tổng CP} &= \text{Biến phí} + \text{Định phí} \\ \text{EBIT} &= \text{DS bán} - (\text{Biến phí} + \text{Định phí}) \\ S &= p \times Q \\ V &= Q \times v \\ \text{TC} &= V + F = Qv + F \end{aligned}$$

$$\text{EBIT} = PQ - (QV + F) = Q(P - V) - F$$

□ Sản lượng hòa vốn (SL_0)

$$SL_0 = \frac{F}{p - v}$$

Để đạt được LNTT 1000tr = x thì:

$$SL'_0 = \frac{F + x}{p - v}$$

□ Doanh thu hòa vốn (DT_0)

$$DT_0 | = SL_0 \times p$$

$$DT_0 (SX) = \frac{F}{1 - \frac{V}{DT}}$$

□ Công suất hoạt động hòa vốn (CS_0)

$$CS_0 = \frac{SL_0}{SL_{max}}$$

□ Thời gian hoàn vốn (TG_0):

$$TG_0 = CS_0 \times 12 = \frac{DT \text{ hòa vốn}}{DT \text{ năm}} \times 12$$

2- ĐÒN CÂN NỢ:

2.1- Đòn bẩy kinh doanh (DOL):

$$\text{DOL} = \frac{\text{TL thay đổi}}{\text{EBIT}} = \frac{\text{TL thay đổi SL}}{\text{or DT}} = \frac{Q(p-v)}{Q(p-v) - F} = \frac{(\text{EBIT}_1 - \text{EBIT}_0)}{\text{EBIT}_0} = \frac{(Q_1 - Q_0)}{Q_0}$$

2.2- Đòn bẩy tài chính (DFL):

$$\text{DFL} = \frac{\text{TL thay đổi DL}}{\text{VTC (ROE)}} = \frac{Q(p-v) - F}{\text{EBIT}} = \frac{(\text{ROE}_1 - \text{ROE}_0)}{\text{ROE}_0} = \frac{(\text{EBIT}_1 - \text{EBIT}_0)}{\text{EBIT}_0}$$

2.3- Đòn bẩy tổng hợp (DTL):

$$\text{DTL} = \frac{\text{TL thay đổi DL}}{\text{VTC (ROE)}} = \frac{Q(p-v)}{Q(p-v) - F - I} = \frac{(\text{ROE}_1 - \text{ROE}_0)}{\text{ROE}_0} = \frac{(Q_1 - Q_0)}{Q_0}$$

$$\text{ROE} = [\text{ROE}_0 \times \frac{(Q_1 - Q_0)}{Q_0} \times \text{DTL}] + \text{ROE}_0$$

$$\text{DTL} = \text{DOL} \times \text{DFL}$$

G- PHÂN TÍCH DỰ ÁN ĐẦU TƯ:

i. PHƯƠNG PHÁP THỜI GIAN THU HỒI VỐN:

Thời gian thu hồi vốn (TTH) là khoảng thời gian mà TN của DA bù đắp đủ CP đã bỏ ra.

$$TN = LN_{st} + \text{Khấu hao}$$

1.1- Thu nhập đều:

$$TTH = \frac{VĐT}{TN}$$

1.2- Thu nhập không đều:

Lấy VĐT trừ dần TN ở các năm cho đến khi trừ hết VĐT

2- PHƯƠNG PHÁP HIỆN GIÁ THUẦN (t_0)

2.1- Thời gian hoạt động của DA = nhau:

$$NPV = PV_{TN} - PV_{ĐT}$$

$$NPV = \sum \frac{TN_i}{(1+r)^i} - \sum \frac{ĐT_j}{(1+r)^j}$$

So sánh: $NPV < 0, = 0 \text{ \& } > 0$

2.2- Thời gian hoạt động của DA không = nhau:

Sau khi tính NPV của mỗi DA \rightarrow dàn đều TN ra

$$TN = \frac{NPV}{\sum \frac{1 - (1+r)^{-T}}{r}}$$

Sau khi đã dàn đều \rightarrow chọn DA có NPV dàn đều Max

3- PHƯƠNG PHÁP TỶ SUẤT SINH LỜI NỘI BỘ

IRR là LS riêng của DA mà tại mức LS này, nó làm cân bằng giữa tổng hiện giá ĐT và tổng hiện giá TN, hay nó làm cho NPV của DA bằng 0

$$IRR = R$$

$$\sum \frac{TN_i}{(1+r)^i} = \sum \frac{ĐT_j}{(1+r)^j}$$

So sánh: $IRR < r, = r \text{ \& } > r$

4- PHƯƠNG PHÁP CHỈ SỐ SINH LỜI (I_p)

(Profitability Index)

$$I_p = \frac{PV_{TN}}{PV_{ĐT}}$$

5- THUÊ TÀI CHÍNH, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU:

LÃI SUẤT

6 tháng: $(1+r\%)^2 - 1$

Quý: $(1+r\%)^4 - 1$

1- THUÊ TÀI CHÍNH:

□ Trả cuối năm ($t_1 = t_0$)

$$NG = A \sum \frac{1}{(1+r)^i} = A \frac{1 - (1+r)^{-T}}{r}$$

□ Trả đầu năm ($t_1 \neq t_0$)

$$NG = A + A \sum \frac{1}{(1+r)^i} = A + A \frac{1 - (1+r)^{-T+1}}{r}$$

\rightarrow Tính được A

2- TRÁI PHIẾU (VỐN GỐC TRẢ 1 LẦN CUỐI KỲ):

Mệnh giá (F) = $\frac{\text{Vốn gốc}}{\text{Số Trái phiếu phát hành}}$ trả 1 lần = $\frac{\text{Vốn huy động}}{\text{Số Trái phiếu phát hành}}$

$$\text{Lãi TP} = C\% \times F$$

□ Đường thẳng (Trả lãi định kỳ):

$$PV = C \sum \frac{1}{(1+r)^i} + \frac{F}{(1+r)^T}$$

$$= C \left[\frac{1 - (1+r)^{-T}}{r} \right] + F (1+r)^{-T}$$

□ TP Chiết khấu (Không trả lãi định kỳ – khấu trừ vào giá TP):

$$PV = C \sum \frac{1}{(1+r)^i} + \frac{F}{(1+r)^T}$$

3- CỔ PHIẾU:

□ Mô hình 1 (Cổ tức không đổi):

$$P_0 = \frac{D}{r}$$

D: Cổ tức = LS x Mệnh giá
r: LS thị trường = LSCK = CPSPV

□ Mô hình 2 (Cổ tức tăng đều):

$$P_0 = \frac{D_0}{r - g}$$

g: Tốc độ tăng trưởng

□ Mô hình 3 (Cổ tức tăng không đều):

$$PV = \sum \frac{D_i}{(1+r)^i} + \frac{P_n}{(1+r)^n}$$

P_n : Mệnh giá CP năm thứ n

6- CHI PHÍ SỬ DỤNG VỐN:

1. CHI PHÍ SỬ DỤNG VỐN VAY:

□ Lãi và vốn gốc trả định kỳ (Thuê TC, vay NH)

$$NG = A \frac{1 - (1+r)^{-T}}{r} \quad \begin{matrix} r_1 \rightarrow f_{(r1)} \\ r_2 \rightarrow f_{(r2)} \end{matrix}$$

$$r = r_1 + (r_2 - r_1) \times \frac{f_{(r1)}}{f_{(r1)} + f_{(r2)}}$$

□ Lãi trả định kỳ – Vốn gốc trả 1 lần khi đáo hạn (Trái phiếu)

Đường thẳng	→ Phương trình
Chiết khấu	Nội suy

2. CHI PHÍ SỬ DỤNG VỐN SAU THUẾ:

$$r_s = r(1 - T\%)$$

3. CHI PHÍ SỬ DỤNG VỐN TỰ CÓ:

3.1- Đối với cổ phiếu Ưu đãi:

$$P_0 = \frac{D}{r} \rightarrow R = \frac{D}{P_0}$$

3.2- Đối với cổ phiếu thường:

□ Mô hình 1 (Cổ tức không đổi):

$$r = \frac{D_0}{P_0}$$

□ Mô hình 2 (Cổ tức tăng đều):

$$P_0 = \frac{D_1}{r - g} \rightarrow r = \frac{D_1}{P_0} + g$$

□ Mô hình 3 (Cổ tức tăng ko đều) → Nội suy

$$P_0 = \sum \frac{D_i}{(1+r)^i} + \frac{P_n}{(1+r)^n}$$

3.3- Lợi nhuận giữ lại bổ sung VTC:

$$CPSDV (LNGL) = CPSDV (CPT)$$

3.4- Phát hành cổ phiếu thường mới:

Phát sinh chi phí phát hành g%

□ Mô hình 1 (CPƯĐ & CPY không tăng)

$$r_M = \frac{D_0}{P_0(1-f)} = \frac{r}{(1-f)}$$

□ Mô hình 2 (Tăng đều)

$$r_M = \frac{D_1}{P_0(1-f)} + g$$

4. CHI PHÍ SỬ DỤNG VỐN BÌNH QUÂN:

$$WACC = \sum w_i \times r_i$$

w_i : Tỷ trọng nguồn vốn
 r_i : CPSDV vay sau thuế

5. CHI PHÍ SỬ DỤNG VỐN CẬN BIÊN:

$$MCC = \sum w'_i \times r'_i$$